

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/DS-ST**
Ngày 22/6/2021
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **K.X.H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số , ấp B, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có mặt).

* Bị đơn: Bà **Q.T.N**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp B, xã BT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông K.X.H trình bày như sau:

Ông là chủ cơ sở kinh doanh gạo tại chợ thị trấn Núi Sập, huyện Thoại

Son. Bà Q.T.N có mua gạo của ông để bán lại. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/02/2020 đến ngày 17/3/2020, bà N có mua gạo của ông nhiều lần, mỗi lần 2, 3 tấn, tổng cộng lại là trên 24 tấn với số tiền là 67.100.000 đồng. Sau khi nhận gạo bà N chưa thanh toán tiền cho ông. Đến ngày 07/7/2020, bà N có ký nhận nợ với ông còn nợ lại số tiền 62.100.000 đồng. Từ khi ký xác nhận nợ với ông mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ nhưng đến nay bà N vẫn chưa thanh toán.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà Q.T.N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 62.100.000 đồng (sáu mươi hai triệu một trăm ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày làm biên nhận 07/7/2020 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

* Bà Q.T.N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được. Bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Q.T.N trả cho ông K.X.H số tiền 68.048.896 đồng (nợ gốc 62.100.000 đồng, lãi suất 5.948.869 đồng); Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H yêu cầu bà N trả nợ tiền mua bán gạo nên đây được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà N có nơi cư trú tại ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về tố tụng: Bà Q.T.N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của ông H khoảng thời gian từ ngày 07/02/2020 đến ngày 17/3/2020, bà N có mua gạo của ông nhiều lần, mỗi lần 2, 3 tấn, tổng cộng lại là trên 24 tấn với số tiền là 67.100.000 đồng chưa thanh toán. Sau đó, bà N có trả được 5.000.000 đồng nên hiện nay còn nợ ông số tiền 62.100.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cung cấp cho Tòa án tờ biên nhận ngày 07/7/2020. Nội dung tờ biên nhận thể hiện bà N còn nợ ông H số tiền 62.100.000 đồng và bà N có ký xác nhận vào biên nhận. Từ đó cho thấy việc bà N có nợ tiền của ông H là thực tế có xảy ra.

Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, cho đến nay bà N vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân. Bà N không có ý kiến phản đối đối với tờ biên nhận nợ do ông H cung cấp cũng như chữ ký của bà trong biên nhận, như vậy đã có đủ cơ sở xác định giữa ông H và bà N có xác lập quan hệ mua bán gạo với số tiền 67.100.000 đồng được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ ngày 07/7/2020 là ngày ký xác nhận nợ tới nay, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Do vậy, ông H yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 62.100.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”* nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Giữa ông H và bà N không thỏa thuận lãi suất chậm trả nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, mức lãi suất quá hạn là 10%/ năm, tương đương 0,833%/tháng. Số tiền lãi cụ thể như sau:

62.100.000 đồng x 0,833%/tháng x 11 tháng 15 ngày = 5.948.869 đồng
(làm tròn 5.949.000 đồng)

Từ những phân tích trên xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền tổng cộng là 68.049.000 đồng (sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát phiên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên bà N phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.X.H: Buộc bà Q.T.N có nghĩa vụ trả cho ông K.X.H số tiền tổng cộng là 68.049.000 đồng (sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng). Trong đó: Số tiền vốn là 62.100.000 đồng (sáu mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng) và lãi tính tới ngày 22/6/2021 là 5.949.000 đồng (năm triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông K.X.H số tiền 1.553.000đ (một triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008190 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thoại Sơn.

Bà Q.T.N phải chịu 3.402.000đ (ba triệu bốn trăm lẻ hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân